

Số: 07/QĐ-THCSPVA

Cử Chi, ngày 19 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/V công bố công khai dự toán năm 2024 của Trường THCS Phước Vĩnh An

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT – BTC hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 19256/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 đối với các đơn vị giáo dục và đào tạo huyện;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Trường THCS Phước Vĩnh An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán năm 2024 của Trường THCS Phước Vĩnh An (theo biểu 3 đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3: Trường THCS Phước Vĩnh An, bộ phận tài vụ và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT./.



Phạm Thị Thu Hương

THÔNG BÁO
Về niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS Phước Vĩnh An.

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 00 ngày 19 tháng 02 năm 2024, Tại Văn phòng Trường THCS Phước Vĩnh An, Chúng tôi gồm:

- | | |
|--------------------------------|------------------------|
| 1. Bà Phạm Thị Thu Hường | Hiệu trưởng |
| 2. Bà Vũ Thị Hạnh | Phó hiệu trưởng |
| 3. Ông Nguyễn Thái Hùng | Chủ tịch Công Đoàn |
| 4. Ông Huỳnh Đại Phúc | Bí thư chi đoàn |
| 5. Ông Nguyễn Văn Phước | Tổ trưởng tổ toán |
| 6. Bà Lê Thị Kim Phương | Tổ trưởng tổ L-H-S |
| 7. Bà Nguyễn Thị Thanh | Tổ trưởng tổ văn |
| 8. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bảo Châu | Tổ trưởng tổ công nghệ |
| 9. Bà Hà Thị Thanh Loan | Tổ trưởng tổ anh văn |
| 10. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Tổ trưởng tổ S-Đ-GD |
| 11. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy | Kế toán |

Tiến hành niêm yết công khai dự toán năm 2024 của Trường THCS Phước Vĩnh An.

Việc niêm yết được thực hiện từ ngày 19/02/2024 đến hết ngày 18/03/2024, công khai rộng rãi cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên trường được biết./.



Phạm Thị Thu Hường

Đơn vị: Trường THCS Phước Vĩnh An

Chương: 622

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0	0	0
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp....	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0	0
2	Phí	0	0	0	0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.102.791.000	8.551.395.500	100%	0
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.102.791.000	8.551.395.500	100%	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	0	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	0	0
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	17.102.791.000	8.551.395.500	100%	17%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.541.373.000	3.770.686.500	50%	17%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.561.418.000	4.780.709.000	50%	17%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0	0
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	0	0
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Dự án A	0	0	0	0
1.2	Dự án B	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	0	0
2.2	Dự án B	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	0	0
3.2	Dự án B	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	0	0
4.2	Dự án B	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	0	0
5.2	Dự án B	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	0	0
6.2	Dự án B	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	0	0

ực hiện
tính, chỉ

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.2	Dự án B	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	0	0
8.2	Dự án B	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	0	0
9.2	Dự án B	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	0	0
10.2	Dự án B	0	0	0	0
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0	0
1.1	Dự án A	0	0	0	0
1.2	Dự án B	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	0	0
2.2	Dự án B	0	0	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	0	0
3.2	Dự án B	0	0	0	0
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	0	0
4.2	Dự án B	0	0	0	0
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	0	0
5.2	Dự án B	0	0	0	0
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	0	0
6.2	Dự án B	0	0	0	0
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	0	0
7.2	Dự án B	0	0	0	0
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	0	0
8.2	Dự án B	0	0	0	0
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	0	0
9.2	Dự án B	0	0	0	0
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	0	0
10.2	Dự án B	0	0	0	0



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (%)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
-------	----------	-------------	------------------------------------	--------------------------------	---

Củ Chi, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Người lập bảng



Nguyễn Thị Ngọc Thúy



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Thu Hường

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí (học phí)	1.060.200.000	530.100.000	50%	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	17.102.791.000	8.551.395.500	100%	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.541.373.000	3.770.686.500	50%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.561.418.000	4.780.709.000	50%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				